

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/LĐ-PT
Ngày 21-12-2022
V/v tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Công Lực;
bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 24/2022/TLPT-LĐ ngày 15/11/2022 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 08/2022/LĐ-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông C, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: ấp K, xã P, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: số V, đường C, khu phố T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà T, sinh năm 1979; địa chỉ: Công ty Luật TNHH A, số C đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/12/2021); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần N; địa chỉ: thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông H, sinh năm 1973; địa chỉ: số N, đường số R, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 09/6/2022); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần N; địa chỉ trụ sở: thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 của nguyên đơn ông C và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông C bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần N (gọi tắt là Công ty) từ ngày 21/5/2020. Đến ngày 01/02/2021, ông C với Công ty thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động số 46/HĐLD/2021 với nội dung như sau: Loại hợp đồng lao động: xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/01/2022; chức danh chuyên môn: nhân viên Giám sát bán hàng; địa điểm làm việc: tỉnh Bình Dương và các địa phương khác khi Công ty có yêu cầu; thời gian làm việc: 08 giờ/01 ngày, theo giờ hành chính, từ thứ hai đến thứ bảy; mức lương chính: 4.500.000 đồng/tháng (26 ngày công) và các khoản phụ cấp gồm: phụ cấp nhà ở 1.350.000 đồng/26 ngày công, phụ cấp ăn trưa 1.300.000 đồng/tháng (26 ngày công), phụ cấp xăng xe 2.000.000 đồng/tháng (26 ngày công), phụ cấp điện thoại 1.000.000 đồng/26 ngày công; hình thức trả lương: qua tài khoản cá nhân của người lao động. Theo công việc được phân công, ông C là giám sát bán hàng tại Công ty Trách nhiệm Một thành viên N (Nhà phân phối N). Quá trình làm việc từ ngày 01/02/2021, ông C luôn có trách nhiệm với công việc và chưa bị xử lý kỷ luật từ Công ty.

Ngày 31/3/2021, khi ông C đang họp cùng các nhân viên bán hàng thì nhận được thông báo từ ông Đ - Giám đốc bán hàng là từ ngày 01/4/2021 khu vực Bình Dương ngừng hoạt động và cho toàn bộ nhân viên tại đây nghỉ việc. Cùng ngày, ông N - Tổng Giám đốc Công ty trao đổi trực tiếp với ông C tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp tục cho Team Bình Dương hoạt động đến hết tháng 4 năm 2021. Tuy nhiên, sau đó ông C lại nhận được email thông báo cho mọi người nghỉ việc với lý do kinh doanh không hiệu quả. Đến ngày 05/4/2021, ông C nhận được thông báo điều động đến nhận nhiệm vụ tại Nhà phân phối T, quận B, C - Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty yêu cầu ông C trong 05 ngày làm việc, phải thực hiện điều động nếu không sẽ xem như tự ý bỏ việc. Đến ngày 11/4/2021, khi đang làm việc thì ông C không sử dụng được email của Công ty để bán hàng vì Công ty tự ý cắt email làm việc của giám sát nên nhân viên khu vực tỉnh Bình Dương không có thông tin để giao dịch với khách hàng.

Ngày 16/6/2021, ông C gửi đơn khiếu nại đến Công ty. Đến cuối tháng 12 năm 2021, ông C nhận được Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 của Công ty “về việc chấm dứt hợp đồng với người lao động” đối với ông C. Lý do Công ty đưa ra để chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là “*tự ý bỏ việc*” và thời gian chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 05/4/2021. Ông C chỉ nhận được lương do Công ty chi trả đến tháng 02 năm 2021 và sổ bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, Công ty không giải quyết quyền lợi nào khác cho ông C nên ông C khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần N phải thanh toán các khoản tiền như sau:

- Thanh toán toàn bộ tiền lương cho ông C kể từ ngày 01/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (dự kiến đến ngày 31/01/2022) theo mức lương 10.150.000 đồng/tháng, tạm tính là 111.650.000 đồng.

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tạm tính là 4.500.000 đồng x 21,5% x 10 tháng = 9.675.000 đồng.

- Yêu cầu thanh toán tiền lương còn thiếu từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021 là 31.090.086 đồng.

- Tiền lãi do Công ty chậm thanh toán lương của các tháng trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính (111.650.000 đồng + 31.090.086 đồng) x 8%/năm x 11 tháng = 10.467.606 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là 02 tháng tiền lương theo hợp đồng là $10.150.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ tháng} = 20.300.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông C yêu cầu Công ty phải thanh toán là 183.182.692 đồng. Đồng thời, buộc Công ty chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ cho ông C. Ông C không yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh Thanh Thủy thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Tuyên Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng đối với người lao động là trái pháp luật.

- Buộc Công ty thanh toán tiền lương tháng 03 năm 2021 chưa trả là 10.150.000 đồng.

- Thanh toán tiền lương từ 01/4/2021 đến khi hợp đồng lao động hết hạn là 31/01/2022 là $10.150.000 \text{ đồng/tháng} \times 10 \text{ tháng} = 101.500.000 \text{ đồng}$.

- Buộc Công ty điều chỉnh lại mức lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN, đúng theo quy định và trả các khoản BHXH, BHYT, BHTN còn nợ cho người lao động từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022 với số tiền: $4.729.400 \text{ đồng/tháng} \times 21,5\% \times 10 \text{ tháng} = 10.168.210 \text{ đồng}$.

- Trả tiền lãi do chậm thanh toán lương từ tháng 3 đến ngày xét xử sơ thẩm, dự kiến là $113.994.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 15,5 = 14.717.767 \text{ đồng}$.

- Bồi thường đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 10 tháng lương x $4.729.400 \text{ đồng/tháng} = 47.294.000 \text{ đồng}$.

- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày là $10.379.400 \text{ đồng}/26 \text{ ngày công} \times 30 \text{ ngày} = 11.976.231 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn ông C rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Công ty giao trả sổ bảo hiểm xã hội vì quá trình giải quyết tranh chấp, bị đơn đã gửi trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông C qua đường bưu điện; đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty thanh toán tiền lương còn thiếu từ tháng 8 năm 2020 cho đến tháng 02 năm 2021.

** Bị đơn Công ty Cổ phần N (gọi tắt là Công ty) do ông Tôn Thọ Định, ông Từ Thái Huy đại diện trình bày:*

Công ty thống nhất ông C làm việc tại Công ty từ ngày 21/5/2020. Từ ngày 21/5/2020 đến ngày 31/12/2020, ông C làm thử việc tại Công ty. Đến ngày 01/02/2021, ông C với Công ty ký kết Hợp đồng lao động số 46/HĐLD/2021 với nội dung như sau: Loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/01/2022; chức danh chuyên môn: nhân viên giám sát bán hàng được quy định cụ thể công việc tại khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng lao động; địa điểm làm việc: tại tỉnh Bình Dương và các địa phương khác khi Công ty có yêu cầu; thời gian làm việc: 08 giờ/01 ngày, từ thứ hai đến thứ bảy, theo giờ hành chính; lương chính: 4.500.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp ăn trưa: 1.300.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp xăng xe: 2.000.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp nhà ở 1.350.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp điện thoại 1.000.000 đồng/tháng (26 ngày công); hình thức trả lương: qua tài khoản cá nhân của người lao động.

Công việc của ông C tại tỉnh Bình Dương, cụ thể là tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (Nhà phân phối N), giám sát bán hàng của 05 nhân viên. Từ ngày 03/4/2021, ông C không còn làm việc tại Công ty. Lý do: theo bản giải trình ngày 31/3/2021 của ông C là do Team Bình Dương không hoàn thành mục tiêu công việc, do yếu kém từ nhân viên bán hàng, trình bày ý kiến là cho giữ lại 02 nhân viên làm việc có tiêu chí tốt là ông V và bà L. Theo quy định của Công ty thì các khoản lương, thưởng, thu nhập và phụ cấp đều phụ thuộc vào doanh số bán hàng của nhân viên trong tháng có đạt chỉ tiêu của Công ty quy định hay không. Nếu như cân đối doanh số và chỉ tiêu không đạt thì xem như nhân viên đó không hoàn thành nhiệm vụ.

Sau khi nhận được bản giải trình của ông C, Công ty đã trao đổi qua điện thoại và email của ông C. Tuy nhiên, ông C không hợp tác. Công ty có thông báo điều chuyển địa điểm công tác từ địa bàn tỉnh Bình Dương xuống Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ông C không chấp hành theo thông báo và không hợp tác bàn giao công việc. Do vậy, Công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C, lý do “*tự ý bỏ việc*” (Công ty đã cung cấp các email cũng như tin nhắn zalo trao đổi công việc mới giữa ông V với ông C, nhưng ông C không trả lời).

Về tiền lương: Công ty đã thanh toán cho ông C đến tháng 02 năm 2021. Từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/4/2021, Công ty chưa giải quyết lương cho ông C, do ông C chưa hoàn thành việc bàn giao cho Công ty. Về sổ bảo hiểm xã hội của ông C, Công ty đã hoàn tất và bàn giao cho ông C vào tháng 12 năm 2021.

Công ty xác định: Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là đúng quy định của pháp luật, do ông C đã tự ý nghỉ việc 05 ngày liên tiếp, quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ban hành là đúng quy định, nhưng do có sai sót trong việc đánh máy nên mới ghi sai ngày ban hành là ngày 03/4/2021, ngày chính xác phải là ngày 12/4/2021. Trước các yêu cầu khởi kiện của ông C, Công ty đồng ý thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2021 cho ông C, các yêu cầu còn lại của ông C đưa ra, Công ty không đồng ý.

Tại Bản án số 08/2022/LĐ-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 235, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 29, 36, 39, 41 và 90 của Bộ luật Lao động 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Ghi nhận sự thống nhất về việc nguyên đơn ông C không đồng ý trở lại Công ty Cổ phần N làm việc và bị đơn Công ty Cổ phần N không đồng ý nhận nguyên đơn ông C trở lại làm việc.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C yêu cầu hoàn trả sổ Bảo hiểm xã hội, đòi tiền lương còn thiếu từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021 đối với bị đơn Công ty Cổ phần N.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C đối với bị đơn Công ty Cổ phần N về việc “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

- Tuyên bố Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 và ngày 15/4/2021 của Công ty Cổ phần N về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông C là trái pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2021 cho ông C là 5.395.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải bồi thường cho ông C tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022; 02 tháng tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; thời hạn 30 ngày báo trước là 59.192.307 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán tiền lãi cho ông C do chậm thanh toán tiền lương tháng 03 năm 2021 là 578.344 đồng.

Tổng cộng Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho ông C số tiền 65.165.651 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông C được bồi thường nêu trên đối với phần ông C phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông C theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022 theo mức lương 4.500.000 đồng/tháng tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa. Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán lương từ tháng 3 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 19/7/2022, bị đơn Công ty Cổ phần N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn C về việc tuyên Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 của Công ty Cổ phần N là trái pháp luật; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C về việc buộc Công ty phải bồi thường cho ông C tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022, 02 tháng tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, tiền bảo hiểm thất nghiệp, tiền bảo hiểm y tế, tiền vi phạm thời hạn 30 ngày báo trước là 64.587.307 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C về việc buộc Công ty đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022. Riêng về phần trả lãi suất do chậm thanh toán lương tháng 3 năm 2021 cho ông C, Công ty không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu

cầu kháng cáo của mình. Hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và buộc Công ty phải bồi thường cho ông C là có căn cứ. Công ty kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án lao động về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, nguyên đơn ông C có địa chỉ nơi cư trú tại phường Chánh Nghĩa, thành phố T và nơi thực hiện hợp đồng lao động là Bình Dương nên nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/4/2021 và 15/4/2021, Công ty Cổ phần N ban hành Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ “*về việc chấm dứt hợp đồng với người lao động*” là ông C nên ngày 08/12/2021, ông C nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động năm 2019.

[3] Xét đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần N được thực hiện trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty, nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Công ty và ông C đều thống nhất thừa nhận: ông C vào làm việc tại Công ty từ ngày 21/5/2020. Đến ngày 01/02/2021, Công ty với ông C ký kết Hợp đồng lao động số 46/HĐLD/2021 xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/01/2022; chức danh chuyên môn: nhân viên giám sát bán hàng; địa điểm làm việc: tại tỉnh Bình Dương và các địa phương khác khi Công ty có yêu cầu; thời gian làm việc: 08 giờ/01 ngày, từ thứ hai đến thứ bảy, theo giờ hành chính; lương chính: 4.500.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp ăn trưa: 1.300.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp xăng xe: 2.000.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp nhà ở 1.350.000 đồng/tháng (26 ngày công); phụ cấp điện thoại 1.000.000 đồng/tháng (26 ngày công); hình thức trả lương: qua tài khoản cá nhân của người lao động nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Xét việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông C, nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Công ty xác định ông C làm quản lý nhóm Bình Dương không hoàn

thành chỉ tiêu Công ty đặt ra nên có lệnh điều chuyển ông C từ Bình Dương đến Thành phố Hồ Chí Minh làm việc kể từ ngày 05/4/2021, nhưng ông C không chấp hành lệnh điều chuyển, tự ý nghỉ việc 05 ngày liên tiếp không có lý do nên Công ty ban hành Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019, nhưng Công ty không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Theo Thông báo số 56/TB/GT/04/2021 ngày 03/4/2021 “*về việc thay đổi nhân sự quản lý*” thì Công ty chuyển giám sát cũ C từ khu vực quản lý Nhà phân phối (Npp) N - tỉnh Bình Dương đến làm giám sát mới tại khu vực quản lý Npp T, quận B, C – Thành phố Hồ Chí Minh để thay thế cho giám sát cũ n; giám sát mới tại khu vực quản lý Npp N - tỉnh Bình Dương thay cho C là ông V và thời gian thực hiện kể từ ngày 05/4/2021 (bút lục 57-58). Tuy nhiên, Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 (bút lục 34) được Công ty ban hành cùng ngày ra Thông báo số 56/TB/GT/04/2021 “*về việc thay đổi nhân sự quản lý*” và Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 15/4/2021 của Công ty (bút lục 46) đều thể hiện nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với ông C kể từ ngày 05/4/2021 (ngày thực hiện việc thay đổi nhân sự) nên việc Công ty cho rằng ông C tự ý nghỉ việc 05 ngày liên tiếp là không có căn cứ. Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nội quy lao động của Công ty, thì trường hợp của ông C Công ty phải tiến hành họp để xử lý kỷ luật bằng “*hình thức kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng hoặc cách chức (nếu đảm nhiệm chức vụ)*” (bút lục 26), nhưng Công ty không thực hiện mà ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là vi phạm thời hạn báo trước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tuyên bố Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 và ngày 15/4/2021 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông C là trái pháp luật; đồng thời, buộc Công ty phải thanh toán cho ông C tiền lương những ngày không được làm việc kể từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022; bồi thường 02 tháng tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo hợp đồng lao động và 30 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 theo mức lương chính trong Hợp đồng lao động số 46/HĐLĐ/2021 ngày 01/02/2021 là 4.500.000 đồng/tháng với tổng số tiền 59.192.307 đồng là có căn cứ.

[6] Xét kháng cáo của Công ty đối với việc thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2021, nhận thấy: theo đơn khởi kiện, ông C cho rằng Công ty chưa thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2021 cho ông C là 10.150.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty thừa nhận Công ty chưa thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2021 cho ông C và cung cấp bảng lương xác định lương tháng 3 năm 2021 của ông C là 27 ngày công, lương thực nhận là 5.945.932 đồng và đồng ý thanh toán cho ông C. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông C cũng thống nhất tiền lương tháng 3 năm 2021 của ông C là 5.945.932 đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc Công ty thanh toán cho ông C số tiền 5.395.000 đồng là có thiếu sót và đã có lợi cho Công ty, tuy nhiên do ông C không kháng cáo nên theo phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[7] Về trách nhiệm truy đóng bảo hiểm xã hội: do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 và các Điều 18, 19, 21, 22 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì Công ty phải có trách nhiệm đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm xã hội cho

người lao động (ông C) trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến khi kết thúc hợp đồng lao động (ngày 31/01/2022). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải truy đóng bảo hiểm xã hội cho ông C theo mức lương 4.500.000 đồng/tháng là có căn cứ. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

[8] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần N và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[9] Về án phí lao động phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần N. Giữ nguyên Bản án số 08/2022/LĐ-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 235, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 29, 36, 39, 41 và 90 của Bộ luật Lao động 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.1. Ghi nhận sự thống nhất về việc nguyên đơn ông C không đồng ý trở lại Công ty Cổ phần N làm việc và bị đơn Công ty Cổ phần N không đồng ý nhận nguyên đơn ông C trở lại làm việc.

1.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C yêu cầu hoàn trả số Bảo hiểm xã hội, đòi tiền lương còn thiếu từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021 đối với bị đơn Công ty Cổ phần N.

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C đối với bị đơn Công ty Cổ phần N về việc “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

- Tuyên bố Quyết định số 90/QĐ-CDHĐ ngày 03/4/2021 và ngày 15/4/2021 của Công ty Cổ phần N về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông C là trái pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2021 cho ông C là 5.395.000 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải bồi thường cho ông C tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022; 02 tháng tiền lương,

tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; thời hạn 30 ngày báo trước là 59.192.307 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán tiền lãi cho ông C do chậm thanh toán tiền lương tháng 03 năm 2021 là 578.344 đồng.

Tổng cộng Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho ông C số tiền 65.165.651 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần N phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông C được bồi thường nêu trên đối với phần ông C phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông C theo quy định của pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/01/2022 theo mức lương 4.500.000 đồng/tháng tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa. Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu Công ty Cổ phần N thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán lương từ tháng 3 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

1.5. Về án phí lao động sơ thẩm: ông C được miễn án phí. Công ty Cổ phần N phải chịu 1.954.969 đồng.

2. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty Cổ phần N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001738 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đắc Cường